

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH
Số: 3576/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Định, ngày 07 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán

Công trình: Đường phía Tây tỉnh Bình Định (ĐT.639B),
đoạn Km130+00 – Km137+580

Hạng mục: Xây dựng nền mặt đường và công trình thoát nước nhỏ đoạn
Km130+00-Km137+580

Địa điểm xây dựng: Huyện Vân Canh, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định và phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 10/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường phía Tây tỉnh Bình Định (ĐT.639B), đoạn Km130+00 – Km137+580;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 2278/SGTVT-GT ngày 05/10/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – dự toán công trình, với các nội dung chính như sau:

1. Tên công trình: Đường phía Tây tỉnh Bình Định (ĐT.639B), đoạn Km130+00 – Km137+580.

2. Hạng mục: Xây dựng nền mặt đường và công trình thoát nước nhỏ đoạn Km130+00-Km137+580.

3. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông đường bộ; cấp II.

TC

4. Địa điểm xây dựng: Huyện Vân Canh, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

5. Nhà thầu khảo sát, lập thiết kế BVTC - Dự toán: Liên danh Công ty CP tư vấn thiết kế giao thông Bình Định và Công ty CP TVTK và XD giao thông 4.

6. Quy mô

a. *Phần tuyến chính từ Km130+00-Km137+699*: Thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp III, đồng bằng (TCVN 4054-2005).

- Chiều dài toàn tuyến: $L=7,699\text{km}$.

- Tốc độ thiết kế $V=80\text{ Km/h}$ (đối với đoạn Km130+00-Km133+300) và $V=60\text{Km/h}$ (đối với đoạn Km133+300-Km137+699).

- Bề rộng nền đường: $B_n = 22,0\text{m}$.

Trong đó:

+ Bề rộng mặt đường: $B_m = 19\text{m}$ (Bao gồm 04 làn xe cơ giới $B_{cg} = 4 \times 3,5\text{m} = 14\text{m}$; 02 làn xe hỗn hợp $B_{hh} = 2 \times 2,5 = 5,0\text{m}$).

+ Bề rộng dải phân cách: $B_{dpc} = 2,0\text{m}$.

+ Bề rộng lề đường: $B_l = 2 \times 0,5 = 1,0\text{m}$.

- Mặt đường: Bê tông nhựa cấp cao A1 theo tiêu chuẩn 22TCN211-06, với mô đun yêu cầu $E_{yc} \geq 160\text{Mpa}$.

b. *Cầu bản và cống thoát nước các loại*: Khổ cầu, cống phù hợp với khổ nền đường; tải trọng thiết kế HL93 (cống tròn tải trọng H30); Tần suất thiết kế $P=4\%$.

c. Các tuyến đường gom

- Thiết kế cấp kỹ thuật của đường loại C (TCVN 10380:2014).

- Tốc độ thiết kế: $V=15\text{ Km/h}$.

- Bề rộng nền đường: $B_n = 4,0\text{m}$.

+ Bề rộng mặt đường: $B_m = 3,0\text{m}$.

+ Bề rộng lề đường: $B_l = 2 \times 0,5 = 1,0\text{m}$.

- Cầu bản và cống thoát nước các loại: Khổ cầu, cống phù hợp với khổ nền đường gom; tải trọng thiết kế H13.

7. Giải pháp thiết kế

a. *Nền đường*: Nền đường đắp đất cấp phối đồi đầm chặt K95, phần nền dưới đáy kết cấu áo đường dày 50cm được lu lèn đạt độ đầm chặt K98. Mái taluy nền đắp $m=1,5$, mái taluy nền đào $m=1$.

b. *Mặt đường tuyến chính*: Mặt đường bê tông nhựa cấp cao A1 (theo tiêu chuẩn 22TCN211-06), với mô đun yêu cầu $E_{yc} \geq 160\text{Mpa}$; gồm các lớp sau:

- Bê tông nhựa C12,5 dày 06cm.

- Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m².

- Bê tông nhựa C19 dày 07cm.

- Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m².

- Cấp phối đá dăm loại I ($D_{max}=25$) dày 20cm.

- Cấp phối đá dăm loại I ($D_{max}=37,5$) dày 30cm.

c. Nền, mặt đường các tuyến đường gom

- Nền đường: Nền đường đắp đất cấp phối đòi đầm chặt K95, phần nền dưới đáy kết cấu áo đường dày 30cm được lu lên đạt độ đầm chặt K98. Mái taluy nền đắp $m=1,5$, mái taluy nền đào $m=1$.

- Mặt đường: Bằng BTXM M250 đá 2x4 dày 18cm trên lớp lót giấy dầu.

d. Nút giao, đường giao: Trên tuyến thiết kế chủ yếu theo dạng giao cùng mức, tổ chức giao thông tự điều chỉnh, các vị trí nút giao vượt nổi êm thuận phù hợp với điều kiện thực tế, riêng tại các vị trí giao với các tuyến đường gom và dân sinh (tại Km132+33,76; Km132+678,07 và Km133+398,06) theo dạng giao khác mức bằng hệ thống cống chui, đồng thời bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2016/BGTVT.

đ. Công trình thoát nước nhỏ trên tuyến

- **Cống thoát nước khẩu độ nhỏ:** Trên đoạn tuyến xây dựng hệ thống cống thoát nước có khẩu độ $\Phi 80\text{cm}$ - $2\Phi 150\text{cm}$ bằng BTLT. Riêng các tuyến đường gom và đường ngang xây dựng cống vuông $50\text{cm} \times 50\text{cm}$ bằng BTCT và các cống BTLT khẩu độ $\Phi 80$; $\Phi 100\text{cm}$ và $2\Phi 100\text{cm}$.

- **Cống thoát nước khẩu độ lớn:** Trên đoạn tuyến xây dựng 09 cống bản hộp BTCT gồm: 03 cống bản hộp khẩu độ $L_0=4,0\text{m}$ (02 cống trên tuyến chính và 01 cống trên tuyến đường gom); 02 cống hộp $2,0\text{m} \times 2,0\text{m}$ và 04 cống hộp $2,0\text{m} \times 1,0\text{m}$.

- **Cầu bản hộp:** Xây dựng 05 cầu bản hộp bằng BTCT gồm: 04 cầu bản hộp khẩu độ $L_0=6,0\text{m}$ và 01 cầu bản hộp khẩu độ $L_0=2 \times 6,0\text{m}$.

- **Cống kỹ thuật:** Trên toàn tuyến bố trí 19 cống kỹ thuật bằng BTLT $\Phi 100$. Hồ ga bằng BTXM, tấm đan bằng BTCT.

- **Gia cố mái taluy dọc tuyến:** Gia cố mái taluy tại các vị trí xung yếu bằng tấm lát bê tông đúc sẵn $60 \times 60 \times 6\text{cm}$, trên lớp VXM M50 dày 03cm, chân khay bằng bê tông và trồng cỏ gia cố mái các vị trí khác.

- **Dải phân cách giữa:** Bó vỉa dải phân cách giữa bằng BTXM, bên trong trồng cây xanh.

- **An toàn giao thông:** Xây dựng hệ thống biển báo, tường hộ lan, vạch tín hiệu an toàn giao thông theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2016/BGTVT và các tiêu chuẩn có liên quan.

8. Tiêu chuẩn áp dụng cho hạng mục công trình: Theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

9. Dự toán đầu tư xây dựng

Tổng dự toán:	220.736.030.000 đồng
- Chi phí xây dựng :	186.299.779.000
- Chi phí QLDA:	1.996.795.000

74

- Chi phí tư vấn ĐTXD:	2.626.834.000
- Chi phí khác:	10.478.080.000
- Chi phí dự phòng :	19.334.542.000

10. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2015-2019.

12. Tổ chức thực hiện: Theo Luật Xây dựng và Luật Đấu thầu.

Điều 2. Sở Giao thông vận tải phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / *g*

Với nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Phan Cao Thắng;
- PVP CN;
- Lưu VT, K19. (M.11b) *lv*



Phan Cao Thắng